

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

ĐẦU TƯ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC SANG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2025-2030 ĐỂ TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số: 379 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng với nguồn vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương và nguồn vốn ủy thác từ nguồn ngân sách địa phương, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kon Tum đã thực hiện tốt các chính sách tín dụng xã hội với vai trò là một trong những công cụ đòn bẩy kinh tế của Nhà nước giúp hộ nghèo và đối tượng chính sách có điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi.

Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn trong phạm vi toàn tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã hỗ trợ vay vốn cho 101.070 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn với tổng doanh số cho vay đạt 4.811,6 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, phục vụ nhu cầu thiết yếu về nhà ở, trang trải chi phí học tập cho học sinh sinh viên, xây dựng công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh quy mô hộ gia đình, chi phí khám chữa bệnh... Qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện tại các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững; hạn chế, đẩy lùi nạn cho vay nặng lãi; xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tín dụng chính sách xã hội còn một số hạn chế, khó khăn như vốn chưa thực sự đa dạng; chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của đối tượng thụ hưởng; nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương còn hạn chế. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương qua Ngân hàng Chính sách xã hội là 232.678 triệu đồng, chỉ chiếm tỷ trọng 4,9%/tổng nguồn chung của Ngân hàng Chính sách xã hội (tăng 1,61% so với đầu năm 2021).

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc làm và thu nhập của người dân, dễ dẫn tới gia tăng tình trạng thất nghiệp, nguy cơ tái nghèo... đặt ra những thách thức trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội. Cùng với xu thế đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị, đầu tư sản phẩm OCOP phát huy lợi thế cạnh tranh... đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Vì vậy, tăng quy mô nguồn vốn, nâng mức cho vay, mở rộng triển khai các chương trình tín dụng, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình và đối tượng chính sách có nguồn lực duy trì, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững là cần thiết.

Để nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới, tại Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư lãnh đạo: *“Các địa phương tiếp tục quan tâm, bố trí kịp thời ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, phần đầu hằng năm chiếm khoảng 15% - 20% tăng trưởng tín dụng chung của Ngân hàng chính sách xã hội và đến năm 2030 chiếm 15% tổng nguồn vốn”*.

Để phát huy hiệu quả tín dụng chính sách xã hội và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, khắc phục các tồn tại hạn chế trong thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI nhiệm kỳ 2021 - 2025 và mục tiêu trong giai đoạn tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng Đề án *“Đầu tư tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2025-2030 để tăng cường nguồn lực tín dụng chính sách xã hội”* là cần thiết, giải quyết các yêu cầu thực tiễn đặt ra.

2. Các căn cứ pháp lý lập Đề án

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
- Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 tháng 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;
- Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển nhà ở xã hội;
- Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030; Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”;

- Công văn số 1069 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội; Công văn số 16/TTg-KTTH ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các đề nghị của Ban Kinh tế Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW;

- Thông báo số 449/TB-VPCP ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;

- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 2 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

- Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua Đề án cho vay tiêu dùng từ

nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 186-KH/TU ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

- Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kế hoạch số 4178/KH-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 725/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về triển khai thực hiện Kế hoạch số 186-KH/TU ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3. Đối tượng và phạm vi của Đề án

- Tập trung đánh giá về thực trạng, kết quả thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2024; khó khăn, hạn chế; từ đó đề xuất các nội dung, giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2025 - 2030.

- Phạm vi nghiên cứu: Trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

PHẦN THỨ NHẤT

THỰC TRẠNG, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2024

I. THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BẰNG NGUỒN VỐN NHẬN ỦY THÁC TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2024

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách

Từ nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ, gồm: hộ nghèo, đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm, đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền. Ngoài ra còn cho vay đối tượng là người chấp hành xong án phạt tù và hỗ trợ vốn vay tiêu dùng cho người dân theo Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi hoạt động “tín dụng đen” trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽¹⁾ (gọi tắt là Đề án vay tiêu dùng).

2. Về nguồn vốn

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện đạt 4.751,1 tỷ đồng, tăng 1.781 tỷ đồng so năm 2020 (tăng 1,6 lần), trong đó:

- Nguồn vốn cân đối từ Trung ương là 4.139,2 tỷ đồng chiếm 87,12% tổng nguồn vốn, tăng 1.534,7 tỷ đồng (tăng 1,59 lần).

- Nguồn vốn huy động tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân và tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn để bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội đạt 379,2 tỷ đồng, chiếm 7,98% tổng nguồn vốn, tăng 111,3 tỷ đồng (tăng 1,42 lần) so với năm 2020, trong đó:

- + Nguồn vốn huy động qua các tổ chức, cá nhân trên thị trường đạt 220,5 tỷ đồng, chiếm 4,64%/tổng nguồn vốn, tăng 51,8 tỷ đồng (tăng 1,31 lần) so với năm 2020.

- + Nguồn vốn huy động từ tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn đạt 158,7 tỷ đồng, chiếm 3,34% tổng nguồn vốn, tăng 59,5 tỷ đồng (tăng 1,60 lần) so với năm 2020.

- Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương 232,7 tỷ đồng, chiếm 4,9% tổng nguồn vốn, tăng 135,1 tỷ đồng (tăng 2,38 lần) so với năm 2020 và tăng 224,3 tỷ đồng (tăng 27,7 lần) so với trước khi có Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014, trong đó:

- + Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh 136,5 tỷ đồng, chiếm 2,87% tổng nguồn vốn, tăng 64 tỷ đồng (tăng 1,82 lần) so với năm 2020 và tăng 128,1 tỷ đồng (tăng 16,25 lần) so với trước khi có Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014.

⁽¹⁾ Được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024)

+ Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách cấp huyện 96,2 tỷ đồng, chiếm 2,02% tổng nguồn vốn, tăng 71,1 tỷ đồng (*tăng 3,83 lần*) so với năm 2020 và tăng 96,2 tỷ đồng so với trước khi có Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014⁽²⁾.

3. Kết quả cho vay

- Trong giai đoạn 2021 - 2024, bằng nguồn vốn cân đối từ Trung ương và nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã giải ngân cho 101.070 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn với tổng doanh số cho vay đạt 4.811,6 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 4.529,9 tỷ đồng cho 96.043 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn;

+ Nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 281,7 tỷ đồng cho 5.027 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn (*trong đó: có 750 lượt hộ nghèo, 4.032 lượt lao động vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; 88 lượt hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; 142 lượt cho vay theo Đề án vay tiêu dùng; 15 lượt là người chấp hành xong án phạt tù*).

- Doanh số thu nợ đạt 3.025,3 tỷ đồng, bằng 62,88% doanh số cho vay, trong đó: nguồn vốn Trung ương đạt 2.877,9 tỷ đồng; nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đạt 147,4 tỷ đồng.

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đang theo dõi quản lý và thực hiện 24 chương trình tín dụng chính sách xã hội (*trong đó 10 chương trình tín dụng chính sách đã hết thời hạn thực hiện, đang theo dõi, quản lý thu hồi nợ khi đến hạn*⁽³⁾); tổng dư nợ 4.746,2 tỷ đồng, tăng 1.781,5 tỷ đồng so năm 2020 (+60,09%), với 73.747 hộ vay còn dư nợ. Trong đó: Dư nợ nguồn vốn Trung ương là 4.516,2 tỷ đồng, tăng 1.647,2 tỷ đồng so năm 2020, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 12,15%, với 69.417 hộ vay còn dư nợ; Dư nợ nguồn vốn ngân sách địa phương là 230 tỷ đồng, tăng 134,3 tỷ đồng so năm 2020, với 4.330 hộ vay còn dư nợ⁽⁴⁾.

4. Chất lượng tín dụng

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ quá hạn và nợ khoanh 16,4 tỷ đồng, chiếm 0,35%/tổng dư nợ (*nợ quá hạn 8,6 tỷ đồng, chiếm 0,18%/tổng dư nợ; nợ khoanh 7,8 tỷ đồng, chiếm 0,16%/tổng dư nợ*). Trong đó: nợ quá hạn nguồn vốn

⁽²⁾ Nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện từ năm 2016.

⁽³⁾ Gồm các chương trình: Cho vay trả chậm nhà ở cho hộ dân đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên; Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg; Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg; Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg; Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg; Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn Quyết định số 755/2015; Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP; Cho vay hộ dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2085/2016/QĐ-TTg; Cho vay học sinh sinh viên mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg; Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg.

⁽⁴⁾ Trong đó: Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm 215,8 tỷ đồng với 4.032 hộ vay còn dư nợ; hộ nghèo 10 tỷ đồng với 200 hộ vay còn dư nợ; Đề án cho vay tiêu dùng 1,5 tỷ đồng với 56 hộ vay còn dư nợ; cho vay Người chấp hành xong án phạt tù 1,4 triệu đồng với 15 hộ vay còn dư nợ; hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 1,3 tỷ đồng với 27 hộ vay còn dư nợ.

Trung ương là 8,36 tỷ đồng; nợ quá hạn nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội là 0,24 tỷ đồng.

5. Hiệu quả đầu tư tín dụng chính sách xã hội

Nguồn vốn tín dụng thông qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian qua đã đầu tư đến 100% xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận tín dụng chính sách. Có thể khẳng định, nguồn vốn tín dụng chính sách đã phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 10,29% (năm 2020) xuống còn 4,31% (năm 2024), thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới (đến cuối năm 2024, có 53/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 08 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu); làm thay đổi nhận thức của người nghèo cố gắng vươn lên thoát nghèo thông qua vay vốn, sử dụng nguồn vốn hiệu quả để phát triển sản xuất, chăn nuôi, tạo sinh kế bền vững cho gia đình; giúp người dân tiếp cận, sử dụng vốn vay trong phương thức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao; diện mạo vùng nông thôn ngày càng được đổi mới. Có thể khẳng định, tín dụng chính sách xã hội là một trong những công cụ, giải pháp có tính căn cơ, lâu dài để địa phương thực hiện thắng lợi các mục tiêu về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển nhân lực, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội.

Từ nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội giúp cho cấp ủy, chính quyền xây dựng và định hướng chiến lược phát triển kinh tế mũi nhọn của địa phương, khai thác hiệu quả các thế mạnh, lợi thế của địa phương về đất đai, lao động, tài nguyên thiên nhiên để thúc đẩy phát triển kinh tế góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Chất lượng tín dụng được cải thiện và ngày càng được nâng lên; nguồn vốn cho vay được bảo tồn và phát huy hiệu quả tốt, tỷ lệ thu lãi hàng năm đạt trên 99%, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh duy trì dưới 0,35%, thấp hơn bình quân toàn quốc. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã giúp hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thêm vững mạnh, thu hút số lượng Hội viên ngày một tăng lên cả về quy mô và chất lượng. Từ việc sinh hoạt Tổ Tiết kiệm và vay vốn theo định kỳ giúp các hội viên có điều kiện chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, đầu tư sản xuất nhằm tăng thu nhập cho gia đình và xã hội.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG ĐẦU TƯ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BẰNG NGUỒN VỐN NHẬN ỦY THÁC TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các Sở ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác nên hoạt động tín dụng chính sách được triển khai đến tất cả các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, còn một số khó khăn, tồn tại như sau:

- Nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi chưa đáp ứng hết nhu cầu của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn. Mặc dù việc bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay đã có chuyển biến tích cực, song chỉ đáp ứng được ở mức thấp so với nhu cầu thực tế của người vay vốn do nguồn ngân sách địa phương còn khó khăn và việc ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện mới chỉ thực hiện từ năm 2016 đến nay. Đặc biệt là nhu cầu vay vốn Chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm còn thiếu qua các năm so với nhu cầu của người dân (*chủ yếu là nguồn vốn từ Trung ương phân bổ; nguồn vốn ngân sách địa phương đáp ứng khoảng 215,8 tỷ đồng, chiếm 22%/tổng nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm*).

- Mức dư nợ bình quân trên hộ vay vốn còn thấp (64,4 triệu đồng), trong khi đó mức cho vay tối đa đối với một hộ gia đình hộ nghèo lên đến 100 triệu đồng.

- Công tác phối hợp, lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề với hoạt động tín dụng chính sách có lúc, có nơi chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả; công tác phối hợp giữa các cơ quan ban ngành, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc sử dụng vốn vay để sản xuất, kinh doanh, giúp nhau vươn lên thoát nghèo có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỷ lệ hộ vay vốn còn thấp, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, hạn hán, mưa lũ, sạt lở đất đã ảnh hưởng đến đời sống, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Một bộ phận người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước nên chưa mạnh dạn vay vốn hoặc vay vốn ở mức thấp.

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương có lúc, có nơi lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác hỗ trợ vay vốn đến người dân còn chưa kịp thời.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương khó khăn nên khả năng ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội còn hạn chế.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Từng bước thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương theo Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư và Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030, hàng năm ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm khoảng 15% - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội và đến năm 2030 nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chiếm 15%/tổng nguồn vốn.

- Đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030⁵ và các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng khó khăn đã đạt chuẩn nông thôn mới. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu theo hướng phát triển toàn diện, bền vững đi vào chiều sâu, đảm bảo xây dựng “nông thôn 4 có” gồm: có đời sống kinh tế được cải thiện; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; có đời sống văn hóa, an ninh, an toàn bảo đảm; có môi trường sinh thái phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Huy động nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội đến năm 2025 phân đầu đạt 5.320 tỷ đồng (*trong đó kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đạt khoảng 571 tỷ đồng*) và đạt 9.243 tỷ đồng (*trong đó kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đạt khoảng 989 tỷ đồng*) vào năm 2030 nhằm đảm bảo người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện được vay vốn trong giai đoạn 2025-2030.

- Bình quân hằng năm ngân sách địa phương ủy thác nguồn vốn để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác chiếm khoảng 35,7% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội. Phân đầu trong năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đạt 340 tỷ đồng⁽⁶⁾ (*chiếm tỷ trọng 6,39% tổng nguồn vốn*) và đến năm 2030 đạt 1.445 tỷ đồng⁽⁷⁾ (*chiếm tỷ trọng 15,64% tổng nguồn vốn*).

- Thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội, đảm bảo 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính do Ngân hàng Chính sách xã hội cung

⁽⁵⁾ Theo Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2030.

⁽⁶⁾ Trong đó: kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2025 là 107 tỷ đồng; dự nợ tín dụng đến hết năm 2024 là 233 tỷ đồng.

⁽⁷⁾ Trong đó: kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2030 là 358 tỷ đồng; dự nợ tín dụng đến hết năm 2029 là 1.087 tỷ đồng.

cấp; tăng trưởng tín dụng đạt tối thiểu 10%/năm.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi Đề án: Đề án được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng được vay vốn

- Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Các đối tượng vay vốn theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Các đối tượng vay vốn theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Các đối tượng vay vốn theo Quyết định 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại các địa bàn thuộc phạm vi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo điểm b khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội.

- Các đối tượng theo Điều 5 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

III. QUY TRÌNH, THỦ TỤC CHO VAY VÀ XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO

1. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 6 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định

số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

Theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đối với từng chương trình tín dụng (Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh); các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, thỏa thuận với đối tượng tại thời điểm vay vốn.

3. Gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội (Điều 8 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh); các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội (Điều 10 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh); các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. NGUỒN VỐN VÀ KẾ HOẠCH CHO VAY CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu nguồn vốn dự kiến thực hiện Đề án

- Tổng nhu cầu vốn dự kiến để thực hiện các chương trình chính sách tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác giai đoạn 2025-2030 là 9.243 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 7.798 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84,36% tổng nguồn vốn;

+ Vốn ngân sách địa phương: 1.445 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,64% tổng nguồn vốn.

- Tổng nhu cầu vốn ngân sách địa phương dự kiến bổ sung để thực hiện

chương trình chính sách tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác giai đoạn 2025 - 2030 là 1.213 tỷ đồng⁽⁸⁾. Gồm các chương trình tín dụng chính sách:

+ Cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo (*Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ*): Tổng nhu cầu vốn 118,8 tỷ đồng (*vốn mới 115 tỷ đồng, vốn thu hồi 3,8 tỷ đồng*) cho 1.188 khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, với định mức vay tối đa là 100 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ đến năm 2030 đạt 126,2 tỷ đồng;

+ Cho vay người chấp hành xong án phạt tù (*Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ*): Tổng nhu cầu vốn 28,1 tỷ đồng (*vốn mới*) cho 282 khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, với định mức vay tối đa là 100 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ đến năm 2030 đạt 29,5 tỷ đồng;

+ Cho vay Đề án tiêu dùng (*Nghị quyết số 67/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh*): Tổng nhu cầu vốn 316,5 tỷ đồng (*vốn mới 255 tỷ đồng, vốn thu hồi 61,5 tỷ đồng*) cho 6.330 khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, với định mức vay tối đa là 50 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ đến năm 2030 đạt 256,5 tỷ đồng;

+ Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ*): Tổng nhu cầu vốn 740,6 tỷ đồng (*vốn mới 712,5 tỷ đồng, vốn thu hồi 28,1 tỷ đồng*) cho 7.406 khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, với định mức vay tối đa là 100 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ đến năm 2030 đạt 931 tỷ đồng;

+ Cho vay nhà ở xã hội (*Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*): Tổng nhu cầu vốn 102 tỷ đồng (*vốn mới*) cho 152 khách hàng có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, với định mức vay là 500 triệu đồng/khách hàng. Dư nợ đến năm 2030 đạt 102 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

2. Kế hoạch bố trí vốn ủy thác của ngân sách địa phương sang Ngân hàng Chính sách xã hội

Việc lập, trình phê duyệt và bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị

⁽⁸⁾ - Đối với ngân sách cấp tỉnh: Đã phân bổ 20 tỷ đồng vốn ngân sách cấp tỉnh cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Kon Tum thực hiện kế hoạch tín dụng năm 2025 (*trong đó, bố trí từ nguồn kinh phí điều chỉnh dự toán các đơn vị, địa phương năm 2024: 5 tỷ đồng tại Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi, bổ sung dự toán các đơn vị năm 2024 (đợt 2); bố trí từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024: 15 tỷ đồng theo Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025*)

- Đối với ngân sách cấp huyện: Giao chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã năm 2025 là 21,8 tỷ đồng (*Công văn số 4192 /UBND-KTTH ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2025*).

quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội⁹, quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của pháp luật.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tăng cường phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức về vị trí, vai trò của tín dụng chính sách xã hội

- Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư, Công văn số 1069/TTg-KTTH của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 186-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 725/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách xã hội nắm được tinh thần, nội dung chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đến các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt những chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn...; những địa phương có kết quả hoạt động tốt, các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, các gương điển hình trong việc vay vốn, tạo sinh kế, tạo việc làm vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban ngành có liên quan; chính quyền các cấp, tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội

- Xác định công tác tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm, hàng năm của đơn vị, địa phương, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, các sở, ngành, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường phối hợp trong việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất, kinh doanh giỏi, sử dụng vốn vay hiệu quả; nâng cao công tác quản lý, giám sát về sử dụng nguồn lực tín dụng chính sách xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao.

⁹ Tại điểm a khoản 6 Điều 4 quy định: “a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách của địa phương bao gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động sau đây của các chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn;”

- Xác định nguồn ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước là chủ đạo, nguồn ủy thác từ các địa phương là quan trọng trong đa dạng hoá các kênh huy động vốn tín dụng chính sách, chính quyền các cấp.

3. Ưu tiên tập trung nguồn lực, đa dạng hóa các kênh huy động vốn tại địa phương để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, bảo đảm nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Ngân hàng Chính sách xã hội

- Rà soát cân đối, bố trí ngân sách của địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn để bổ sung nguồn vốn cho vay thực hiện các chương trình tín dụng; phân đầu bình quân hằng năm ngân sách địa phương ủy thác nguồn vốn cho vay chiếm khoảng 35,7% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn và đến năm 2030 chiếm 15% tổng nguồn vốn.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá kết quả huy động nguồn vốn tín dụng, hiệu quả thực hiện các chính sách tín dụng xã hội hiện hành, rà soát, dự báo nhu cầu vốn vay của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, làm cơ sở báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đảm bảo phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của địa phương.

4. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội

- Các sở, ban ngành, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thường xuyên rà soát, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội nhằm phát huy, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách xã hội để góp phần thực hiện Quy hoạch phát triển Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh; Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 và các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách. Thực hiện nghiêm túc quy trình bình xét cho vay, đảm bảo đúng đối tượng; đồng thời có sự phối hợp giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với các cơ quan chức năng về việc hướng dẫn cách thức làm ăn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, giúp người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

- Kiểm soát tốt chất lượng cho vay, nâng cao tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn để tận dụng tối đa nguồn vốn cho vay quay vòng, đáp ứng một phần nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn.

- Các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương triển khai việc tổ chức bình xét vay đảm bảo đúng đối tượng, dân chủ, công khai, minh bạch và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội để hoàn thiện hồ sơ, giải ngân kịp thời, đúng quy định.

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện Đề án trong quý II năm 2025⁽¹⁰⁾.
2. Hằng năm tổ chức sơ kết thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án.
3. Tổ chức thực hiện tổng kết Đề án vào năm 2030.

PHẦN THỨ BA TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án theo định kỳ hàng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.
- Chủ động, tích cực làm việc, phối hợp hiệu quả với các Sở, ngành chức năng trong việc tạo lập cơ chế nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội, công tác nhận nguồn vốn ủy thác cho vay và việc tập trung các nguồn vốn cho vay ưu đãi trên địa bàn về một đầu mối là Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Là đơn vị thực hiện tín dụng chính sách theo Đề án; tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương và cấp huyện ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Đề án này. Chủ động báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương cân đối, bố trí nguồn vốn kịp thời, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu Đề án.
- Chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cho vay nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương theo đúng quy định.
- Định kỳ (06 tháng, hằng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở ngành có liên quan kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội đối với các chương trình mục tiêu của Đề án, rút ra những khó khăn, tồn tại, bài học kinh nghiệm; kịp thời báo cáo, tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân,

⁽¹⁰⁾ Qua tham khảo, tại một số tỉnh, Đề án Đầu tư tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc ban hành, ví dụ như: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Đề án tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030 tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án “Đầu tư tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025”, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Đề án số 7379/ĐA-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 về Tập trung huy động nguồn động nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ nhưng khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

2. Sở Tài chính:

- Xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội¹¹, quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp tỉnh*) đảm bảo theo quy định về tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018; Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn và hàng năm ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho các địa phương để triển khai thực hiện.

3. Sở Nội vụ:

¹¹ Tại điểm a khoản 6 Điều 4 quy định: “a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách của địa phương bao gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động sau đây của các chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn;”

- Hướng dẫn về công tác đào tạo nghề và nắm bắt nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, xuất khẩu lao động để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xác định đối tượng, nhu cầu vốn đảm bảo đúng quy định.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo Phòng Nội vụ các huyện, thành phố phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện trong việc triển khai cho vay, lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn cho vay theo Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động ở nông thôn; các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm; đẩy mạnh công tác đưa người đi làm việc ở nước ngoài.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Tham mưu chỉ đạo công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên, định kỳ hàng năm. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những giải pháp cụ thể để đạt các chỉ tiêu về giảm nghèo, giải quyết việc làm, đưa người lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhằm làm cơ sở thực hiện Đề án.

- Tham mưu, phối hợp lồng ghép có hiệu quả hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; phổ biến, nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp; khuyến khích người vay tham gia các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các mô hình, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm... với hoạt động cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư tín dụng chính sách xã hội.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các địa phương tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác điều tra, rà soát và phê duyệt đối tượng thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai hiệu quả các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum để đầu tư tín dụng chính sách cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phát triển kinh tế hộ gia đình.

6. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan

6.1. Sở Xây dựng:

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho các đối tượng có khó khăn về nhà ở vay theo quy định khi nguồn vốn của

Ngân hàng Chính sách xã hội không đáp ứng đủ nhu cầu vay của các đối tượng thụ hưởng.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các đơn vị, tổ chức có liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án theo quy định; Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các chủ đầu tư dự án Nhà ở xã hội thực hiện tuyên truyền triển khai cho vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng thụ hưởng tiếp cận vay vốn.

6.2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, triển khai chính sách cho vay theo Đề án đưa người đi làm việc ở nước ngoài và cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua các chương trình tư vấn, phân luồng, hướng nghiệp học sinh cuối cấp.

6.3. Công an tỉnh: Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay người chấp hành xong án phạt tù theo Kế hoạch số 2982/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chỉ đạo Công an cấp xã rà soát, xác nhận người chấp hành xong án phạt tù đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo đúng quy định. Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã giám sát, quản lý, thu hồi nợ sau cho vay theo đúng quy định.

6.4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 11: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, trong đó cần tăng cường công tác hướng dẫn, giám sát, thanh tra đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; kịp thời phát hiện sai sót để chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục (nếu có).

6.5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền rộng rãi về các chính sách tín dụng ưu đãi gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới đến người dân.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

- Phát huy vai trò tập hợp lực lượng, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân và triển khai các giải pháp đối với việc thực hiện các hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả giám sát.

- Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội để người dân và các đối tượng thụ hưởng hiểu rõ chủ trương, chính sách, mạnh dạn vay vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng

cuộc sống, thực hiện tốt trách nhiệm trong việc sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện có hiệu quả hoạt động ủy thác, bảo đảm quản lý tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội; chủ động làm tốt công tác nhận diện, bình xét, xác nhận đối tượng vay vốn đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng; hướng dẫn, đôn đốc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích. Xây dựng, lồng ghép mô hình giảm nghèo bền vững, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt các nội dung công việc ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Hằng năm, trên cơ sở chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, trích ngân sách để ủy thác cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp, thực hiện cân đối, ưu tiên bố trí trong dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và trích chuyển kinh phí ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện đề án tại địa phương, bố trí đủ nguồn lực để thực hiện Đề án.

- Xác định công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một nhiệm vụ quan trọng trong chương trình và kế hoạch, hoạt động thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền địa phương, xác định đây là một trong những chỉ tiêu thi đua của cấp huyện, cấp xã. Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại địa phương; kịp thời điều tra, rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay; lồng ghép có hiệu quả việc triển khai thực hiện Đề án với việc thực hiện Đề án với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn, đảm bảo cho vay đúng đối tượng trên địa bàn trong phạm vi quản lý.

- Chủ động thường xuyên rà soát, bổ sung kịp thời vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định; nắm bắt nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng chính sách tại địa phương để kịp thời đề xuất, kiến nghị hỗ trợ cho người dân vay vốn.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; phối hợp kiểm tra, phúc tra, thiết lập hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro theo quy định./.